

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2020.

“V/v anh T xin ly hôn chị H”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Hùng.

2. Bà Trần Thị Định.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Kiều Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 về “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã M, huyện V, tỉnh Nam Định.

Nơi tạm trú: Số 1517, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

(Có mặt anh T; vắng mặt chị H nhưng chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 27-4-2020; đơn xin ly hôn ngày 10-4-2020 và lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu anh và chị Nguyễn Thị H đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 01-02-2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Trước khi anh và chị H kết hôn với nhau thì hai người đều đã có vợ, có chồng và đều đã có con riêng và đều đã ly hôn rồi. Sau kết hôn anh và chị H chung sống cùng với nhau ở quê của anh được hơn 01 tháng, sau đó vì lý do kinh tế gia đình và công việc làm ăn nên vợ, chồng đã cùng nhau vào trong thành phố Hồ Chí

Minh để làm ăn, sinh sống. Sau khi vợ, chồng vào trong thành phố Hồ Chí Minh vợ, chồng cũng chỉ chung sống cùng với nhau được khoảng 5 - 6 tháng, sau đó vì đặc thù công việc làm của mỗi người nên vợ, chồng lại không được thường xuyên chung sống cùng với nhau mà mỗi người ở một nơi, anh thì làm ăn, sinh ở quận 4, thành phố Hồ Chí Minh, còn chị H thì làm ăn, sinh sống ở xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh và vợ, chồng chỉ thỉnh thoảng mới gặp mặt nhau vì vậy mà tình cảm của vợ, chồng bị phai nhạt dần; ngoài ra thì nguyên nhân phát sinh dẫn đến mâu thuẫn vợ, chồng cũng có một phần do lĩnh vực kinh tế giữa vợ, chồng không được minh bạch và trong thời gian chị H làm ăn, sinh sống ở xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh thì chị H có quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với nhiều người đàn ông khác. Vì vậy, mà cứ mỗi lần vợ, chồng gặp nhau hoặc gọi điện thoại cho nhau là lại xảy ra cãi chửi nhau và sống với nhau không có tình cảm, không được hạnh phúc. Do đó vợ, chồng đã phải sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau từ khoảng tháng 12-2019 cho đến nay. Anh T xác định mâu thuẫn của vợ, chồng đã kéo dài và trầm trọng, đời sống chung của vợ, chồng cũng không còn tồn tại từ nhiều tháng nay và anh cũng không còn tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng gì đối với chị H nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ, chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 27-7-2018. Hiện chị H đã trực tiếp nuôi dưỡng cháu N từ thời điểm vợ, chồng sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn, anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết giao cháu N cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng và nếu chị H có yêu cầu anh phải cấp dưỡng nuôi con chung thì anh cũng đồng ý cấp dưỡng theo quy định pháp luật. Nhưng với điều kiện chị H phải thường xuyên thông báo về tình hình của cháu N cho anh biết hoặc là phải cho anh được thăm, gặp cháu N để anh an tâm.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Vợ, chồng không có và anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Tại bản tự khai, đơn đề nghị; đơn xin xác nhận ngày 01-6-2020, bị đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh T đã tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã M vào ngày 01-02-2018. Trước khi chị và anh T kết hôn với nhau thì cả hai người đều đã có vợ, có chồng và đều đã ly hôn. Sau kết hôn vợ, chồng chung sống cùng nhau ở quê của anh T được một thời gian ngắn, sau đó do cuộc sống khó khăn vợ, chồng đã đi vào trong miền nam để làm ăn. Tuy nhiên sau khi vào trong miền nam được một thời gian do đặc thù công việc làm của mỗi người nên vợ, chồng không chung sống cùng với nhau ở một chỗ được mà mỗi người ở một nơi, chị thì làm ăn, sinh sống ở ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, còn anh T thì làm ăn, sinh sống ở quận 4, thành phố Hồ Chí Minh và vợ, chồng chỉ thỉnh thoảng mới gặp nhau và đặc biệt là từ thời điểm chị sinh con cho đến nay thì vợ, chồng rất ít khi gặp nhau vì vậy mà tình cảm của vợ, chồng phai nhạt dần, cứ mỗi khi vợ, chồng gặp nhau hay gọi điện thoại cho nhau là lại xảy ra tranh cãi với nhau về mặt kinh tế của gia đình; ngoài ra thì mâu thuẫn vợ, chồng phát

sinh cũng một phần do việc anh T nghi ngờ chị có quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với người đàn ông khác. Chính vì vậy mà cứ mỗi khi chị và anh T gặp mặt nhau hoặc gọi điện thoại cho nhau là vợ, chồng lại xảy ra cãi chửi nhau nên vợ, chồng đã phải sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm với nhau khoảng 01 năm nay. Anh T xin ly hôn với chị, chị xác định mâu thuẫn của vợ, chồng đã rất trầm trọng, giữa chị và anh T không còn có tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng gì với nhau nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Do đó, chị nhất trí ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị và anh T được ly hôn với nhau.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 27-7-2018, chị đã trực tiếp nuôi dưỡng cháu N từ thời điểm vợ, chồng sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị.

Về điều kiện nuôi con: Hiện nay chị có đầy đủ sức khỏe để lao động kiếm tiền nuôi con, hiện chị đang có một cửa hàng buôn bán tạp hóa tại ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh và có mức thu nhập bình quân từ 5.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng. Nên hiện nay chị có đầy đủ các điều kiện cần thiết để trực tiếp nuôi dưỡng con và bảo đảm được quyền lợi về mọi mặt cho con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh T không có khoản nào và chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Chị đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án số 58/TB-TLVA ngày 20-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện V, chị không có ý kiến gì về Thụ lý vụ án của Tòa án và chị nhất trí với việc Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết sơ thẩm vụ án anh T xin ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện V. Vì lý do công việc và đang phải nuôi con nhỏ cộng với đường xá đi về Tòa án xa xôi nên chị không thể về Tòa án để trực tiếp tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án được. Do đó, chị đề nghị Tòa án xem xét tạo điều kiện cho chị, cho phép chị được vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án, chị đề nghị Tòa án cứ xét xử vụ án vắng mặt của chị.

* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 18-6-2020, đại diện UBND xã M, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H là vợ, chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 01-2-2018 và có đăng ký hộ khẩu tại thôn Đ, xã M. Sau kết hôn anh T và chị H chỉ sinh sống cùng với nhau ở thôn Đ, xã M được một thời gian, sau đó thì vợ, chồng đi vào trong miền nam làm ăn. Theo như báo cáo của anh T và chị H và địa phương nắm bắt được thì sau khi vào trong miền nam làm ăn anh T và chị H cũng không chung sống cùng với nhau mà mỗi người ở một nơi, chị H thì ở xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh, còn anh T thì ở quận 4, thành phố Hồ Chí Minh và vợ, chồng chỉ thỉnh thoảng mới gặp nhau. Trong thời gian anh T và chị H sinh sống cùng nhau tại xã M thì vợ, chồng sống

hòa thuận hạnh phúc với nhau chỉ được một thời gian ngắn thì đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do anh T hay uống rượu say, cứ mỗi lần say rượu là anh T lại đánh chửi chị H; ngoài ra còn do anh T và chị H không có công việc làm ổn định nên kinh tế gia đình gặp khó khăn dẫn đến trong cuộc sống vợ, chồng hay xảy ra đánh, cãi, chửi nhau.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 27-7-2018, cháu N có đăng ký khai sinh tại UBND xã M và hiện nay cháu N đang ở cùng với chị H.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Do đương sự không có yêu cầu nên địa phương không có ý kiến gì.

Anh T xin ly hôn với chị H, địa phương đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu anh T và chị H ly hôn với nhau thì nên giao con chung của vợ, chồng cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án và của Hội đồng xét xử, cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự

Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn T, cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H.

Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 27-7-2018 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N thành niên và có khả năng lao động tự lập được.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Nên không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị H.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Do anh T và chị H đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh T phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Xét thấy tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án và cho đến ngày xét xử sơ thẩm vụ án, chị Nguyễn Thị H là bị đơn trong vụ án vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện V, tỉnh Nam Định. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử mặc dù chị H có cung cấp cho Tòa án chứng cứ thể hiện chị đăng ký tạm trú tại: Ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Nhưng chị H lại không có ý kiến gì về thẩm quyền và chị đã có đơn nhất trí với việc Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết sơ thẩm vụ án anh

T xin ly hôn với chị tại Tòa án nhân dân huyện V. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã triệu tập họp lệ và thông báo họp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật cho chị H để yêu cầu chị H về Tòa án nhân dân huyện V tham gia tố tụng tại Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án. Nhưng chị H đều vắng mặt và chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của chị. Nên, vụ án không tiến hành hòa giải được. Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của chị H.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Xét anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H kết hôn với nhau vào ngày 01-02-2018, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được UBND xã M cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Như vậy hôn nhân của anh T và chị H đã thỏa mãn đầy đủ những quy định về điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nên được pháp luật bảo vệ.

[5]. Về tình trạng của hôn nhân: Xét sau khi anh T và chị H kết hôn với nhau vợ, chồng chỉ chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ, chồng có mâu thuẫn với nhau về mặt kinh tế của gia đình và việc anh T nghi ngờ chị H có quan hệ tình cảm nam nữ bất chính với người đàn ông khác; ngoài ra một phần còn do vợ, chồng không thường xuyên chung sống, sinh sống cùng với nhau làm cho tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng bị phai nhạt dần. Từ đó dẫn đến trong cuộc sống cứ mỗi khi vợ, chồng gặp nhau hoặc gọi điện thoại cho nhau là lại xảy ra cãi, chửi nhau và vợ, chồng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cùng nhau chia sẻ, thực hiện những công việc trong gia đình nữa và mâu thuẫn thì ngày càng trầm trọng hơn nên vợ, chồng đã phải sống ly thân, chấm dứt mọi quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ giữa vợ và chồng với nhau từ nhiều tháng nay.

Xét hôn nhân của anh T và chị H nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ, chồng không còn tồn tại từ nhiều tháng nay. Như vậy, quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong mối quan hệ vợ, chồng giữa anh T và chị H đã trái với những quy định tại các Điều 17, 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được và đời sống chung giữa anh T, chị H không thể kéo dài thêm được nữa và nay anh T xin ly hôn với chị H, chị H cũng xác định mâu thuẫn của vợ, chồng đã rất trầm trọng, chị cũng không còn tình cảm, tình nghĩa vợ, chồng gì đối với anh T và chị cũng nhất trí ly hôn. Vì vậy, việc anh T xin ly hôn với chị H là có căn cứ pháp luật, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và phù hợp

với tình trạng thực tế của hôn nhân hiện nay. Nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T và xử lý hôn giữa anh T và chị H là phù hợp.

[6]. Về con chung: Xét anh T và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 27-7-2018 và chị H đã trực tiếp nuôi dưỡng cháu N từ thời điểm vợ, chồng sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn, anh T có nguyện vọng giao cháu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và phía chị H cũng có nguyện vọng được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng với mình; mặt khác thì cháu N hiện nay cũng chưa đủ 36 tháng tuổi và thấy chị H cũng có đầy đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu N cho chị H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[7]. Về cấp dưỡng nuôi con: Xét việc chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và thấy hiện nay chị H cũng có đầy đủ các điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con và đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt cho con. Vì vậy, Hội đồng xét xử không buộc anh T phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị H là phù hợp.

[8]. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Anh T và chị H đều xác định không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[9]. Về án phí ly hôn: Anh T là nguyên đơn nên buộc anh T phải nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

[10]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Thảo N, sinh ngày 27-7-2018 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nguyễn Thảo N thành niên và có khả năng lao động tự lập được hoặc cho đến khi anh T và chị H có yêu cầu khác.

Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị Nguyễn Thị H.

Anh Nguyễn Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị Nguyễn Thị H.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001961 ngày 20 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện + Tỉnh;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã M
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Văn Quân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Quân

